TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 07-5-2018.
V/v ly hôn giữa bà Lvà ông H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tùng Châu.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại phòng xử án , Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số : 26/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 204/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số : 264/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1980, nơi cư trú: ấp P, xã, huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đinh Văn H, sinh năm 1979, nơi cư trú: ấp V, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20 tháng 12 năm 2017 nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L trình bày: Bà và ông Đinh Văn H do có người mai mối đi đến hôn nhân, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 382/2002/CN-KH ngày 31 tháng 12 năm 2002, bà L cùng ông H chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vì ông H không biết lo cho gia đình mà cứ uống rượu say về kiếm chuyện , vô cớ đánh đập bà , đời sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, bà đã về cha, mẹ ruột sống tại Đồng Tháp.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên bà L yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông H. Bà L và ông H chung sống với nhau có 02 người con chung tên là Đinh Văn T, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2000 và Đinh Hoài T, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2002, khi ly hôn bà L yêu cầu giao con chung cho ông H nuôi dưỡng, vì từ khi ly thân đến nay các con đang sống với ông H , bà không cấp dưỡng nuôi con vì không có điều kiện kinh tế.

Tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đinh Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Thị Kim L và ông Đinh Văn H kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật . Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc , hai người đã sống ly thân, nên bà L có đơn yêu cầu xin được ly hôn với ông H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Theo chứng cứ do bà L cung cấp trong hồ sơ, thì bà L và ông H có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số : 382/2002/CN-KH ngày 31 tháng 12 năm 2002. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc bà L và ông H sống ly thân, ông H được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết, từ đó cho thấy ông không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc bà L yêu cầu được ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận , đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật H ôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung : Bà L và ông H chung sống với nhau có 02 người con chung tên là Đinh Văn T, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2000 và Đinh Hoài T, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2002, bà L yêu cầu để cho ông H nuôi 02 người con chung, vì từ khi ly thân đến nay các co n sống với ông H , bà không cấp dưỡng nuôi con vì không có khả năng về kinh tế.

Xét thấy từ khi bà L và ông H sống ly thân, cháu Văn T, cháu Hoài T là do ông H nuôi dưỡng và tại biên bản ghi lời khai ngày 20/3/2018, khi được hỏi ý kiến thì cháu Văn T, cháu Hoài T cũng có nguyện vọng sống với ông H, nên để hai cháu cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý, đúng với quy định tại Điều 81, 82 và 83

của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng, do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Đối với ông H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, bà L thì có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L, ông H là đúng quy định của pháp luật.

[6] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong vụ án hôn nhân và gia đình nguyên đơn phải chịu tiền án phí, nên bà L phải chịu án phí số tiền phải nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẻ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

- Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1990 và ông Đinh Văn H, sinh năm 1979.

- Về con chung: Giao các cháu Đinh Văn T, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2000 và Đinh Hoài T, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2002 cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Kim L phải nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)*, tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)*, theo biên lai thu tiền số 0003562 ngày 02/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Kim L và ông Đinh Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND xã T, TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.